

Số: 48/2021/QĐST-HNGĐ

Yên Mỹ, ngày 31 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 77/ 2020 / TLST - HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Chu Huy M, sinh năm 1969.

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1969.

**Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Cụ Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1934

Chị Chu Thị H, sinh năm 1991

Chị Chu Thị Th, sinh năm 1993

Anh Chu Văn D, sinh năm 1999

Đều trú tại: Thôn G, xã G, huyện Y, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2021

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Ông Chu Huy M và bà Nguyễn Thị Ng

**2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Ông Chu Huy M và bà Nguyễn Thị Ng cùng thuận tình ly hôn.

**Về con chung:** Ông Chu Huy M và bà Nguyễn Thị Ng cùng xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Chu Thị H sinh năm 1991, Chu Thị Th sinh năm 1993 cả hai đã lấy chồng và anh Chu Văn D sinh năm 1999 đã trưởng thành, nên cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về tài sản:** Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự thỏa thuận, tự phân chia tài sản chung như sau:

Tài sản chung gồm có:

**Đất ở:** Thửa đất số 425, tờ bản đồ số 16 diện tích 361m<sup>2</sup> tại thôn G, xã G, huyện Y, tỉnh H. Trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng xây năm 2004; 01 nhà cấp 4 xây khoảng năm 1997; 03 gian bếp; 01 chuồng lợn; tường rào; sân ba ta và 05 cây bưởi.

**Đất nông nghiệp:** Năm 1993 được chia 03 suất, gồm của Chu Huy M, Nguyễn Thị Ng và Chu Thị H, mỗi suất được chia 02 sào bằng 720m<sup>2</sup>, đã bị thu hồi một phần, diện tích còn lại gồm các thửa:

Thửa 221, tờ bản đồ số 8 lập năm 2005, chỉnh lý năm 2014 diện tích 315m<sup>2</sup> ở xứ đồng Chõm

Thửa 372, tờ bản đồ số 5 lập năm 2005, chỉnh lý năm 2014, diện tích 94m<sup>2</sup> ở xứ đồng Độc Buộm.

Thửa 645, tờ bản đồ số 8 lập năm 2005, chỉnh lý năm 2014, diện tích 458m<sup>2</sup> ở xứ đồng Tính

Thửa 421, tờ bản đồ số 8 lập năm 2005, chỉnh lý năm 2014, diện tích 731m<sup>2</sup> ở xứ đồng Tính

Thửa 494, tờ bản đồ số 5 lập năm 2005, chỉnh lý năm 2014, diện tích 38,4m<sup>2</sup> ở xứ đồng Bãi Cát.

Tự thỏa thuận, tự phân chia như sau:

**Đất ở:** Ông Chu Huy M được quản lý sử dụng 209m<sup>2</sup>, anh Chu Văn D được quyền quản lý, sử dụng 152m<sup>2</sup>, ở thửa đất số 425, tờ bản đồ số 16 tại thôn G, xã G, huyện Y (có sơ đồ hình thể kèm theo). Các tài sản, công trình xây dựng trên phần đất của ai thì người đó được hưởng. Anh Chu Văn D phải trả chênh lệch giá trị ngôi nhà cho ông Chu Huy M là 40.000.000đ. (Bốn mươi triệu đồng chẵn), ông M và anh D không phải trả chênh lệch giá trị tài sản được hưởng cho bà Nguyễn Thị Ng (có sơ đồ kèm theo)

**Đất nông nghiệp:** Chị Chu Thị H được quản lý sử dụng 315m<sup>2</sup> ở thửa 221, tờ bản đồ số 8 ở xứ đồng Chõm và 360m<sup>2</sup> tại thửa 421, tờ bản đồ số 8, ở xứ đồng Đồng Tính. Ông Chu Huy M được quản lý sử dụng 371m<sup>2</sup> tại thửa 421, tờ bản đồ số 8, ở xứ đồng Đồng Tính và 94m<sup>2</sup> tại thửa 372, tờ bản đồ số 5 ở xứ đồng Độc Buộm. Bà Nguyễn Thị Ng được quản lý sử dụng 458m<sup>2</sup> tại thửa 645, tờ bản đồ số 8 ở xứ đồng Tính và 38,4m<sup>2</sup> tại thửa 494, tờ bản đồ số 5 ở xứ đồng Bãi Cát. (có sơ đồ kèm theo).

Các đương sự được quyền đăng ký kê khai và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Về án phí:** Ông Chu Huy M tự nguyện chịu Toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, hoàn trả ông Chu Huy M 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Chu Huy M đã nộp tại biên lai thu số 0003218 ngày 08 tháng 6 năm 2020, hoàn trả bà Nguyễn Thị Ng 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003239 ngày 26 tháng 6 năm 2020 ở Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Mỹ.

**3/ Quyết định** này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ;
- UBND xã G, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN  
(ĐÃ KÝ)  
NGÔ XUÂN QUỲNH**